UNIT 11: WHAT TIME IS IT?

- **get up:** thức dậy
- **have breakfast:** ăn sáng
- **have lunch:** ăn trưa
- **have dinner:** ăn tối
- **go to bed:** đi ngủ
- **at noon:** vào buổi trưa

--> **I go to school at noon:** Tôi đến trường vào buổi trưa

- **get home** **= go home** **:** về nhà
- **a.m.** **:** từ 12 giờ đêm đến 11 giờ trưa
- **p.m.** **:** từ 12 giờ trưa đến 11 giờ đêm

e.g. **7 a.m. -> 7 giờ sáng**

8 p.m. -> 8 giờ tối

what time do you get up? (Mấy giờ bạn thức dậy?)

-> **I get up at 7.30 a.m.** (Tôi thức dậy vào lúc 7.30 sáng.)

-> Chỗ gạch chân các con có thể thay hoạt động khác.

Exercise: Listen and write

Hi. My name's Tom. I'm a pupil at Nguyen Du _____. Every day, I _____ at _____o'clock. I _____ at 7.30. I go to school ___8.15. I'm _____ from ____ a.m. to 3 p.m. I _____at _____. In the evening, I _____at seven. I watch TV at eight and go to bed at nine.

LIVEWORKSHEETS